

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày 04-01-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 304/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy L1, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1947 (có mặt).

2. Ông Trương Văn T3, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

3. Bà Mai Hồng T2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của ông Trương Văn T3: Bà Mai Hồng T2, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Hồng T2: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện P, tỉnh K ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Văn D, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

2. Ông Trương Văn Dũng (Trương Văn T4, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C ..

3. Bà Trương Thị Y (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

4. Ông Trương Văn L2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 15, xã K, huyện U, tỉnh C ..

5. Ông Trương Văn Cần (Trương Quốc C, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh C ..

6. Ông Trương Văn T5, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Nguyễn Thúy L1 trình bày:* Bà là Chủ tiệm cầm đồ Huỳnh Dương. Trong năm 2015 bà cho ông T3, bà T2 vay tiền nhiều lần. Cuối năm 2015 vợ chồng ông T3, bà T2 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y đứng tên để vay 150.000.000đ (ông Y là cha của ông T3). Khi đến vay có bà Nguyễn Thị T1 (là vợ ông Y) đi cùng, ông T3, bà T2 nói vay để bà T1 chuyển nhượng đất ở huyện U Minh. Vợ chồng ông T3, bà T2 nhận tiền và ký tên vào biên nhận, còn bà T1 không có ký. Sau đó vợ chồng ông T3 tiếp tục vay của bà rất nhiều lần nữa, mỗi lần vay đều phải thanh toán tiền lãi của lần trước xong mới cho vay tiếp. Đến ngày 16/6/2020 bà L1 với ông T3, bà T2 đã tổng nợ vay với số tiền 9.910.000.000 đồng nên bà T2 và ông T3 đã kí tên vào biên nhận vay tiền và tiếp tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y. Bà T1 không kí tên nên ông T3 ký thay bà T1, lãi suất 30.000đ/tháng/triệu.

Ngày 25/5/2020 ả bà T1 trả cho bà L1 300.000.000 đồng, đến nay thì không trả nữa. Nay bà L1 yêu cầu ông T3, bà T2 và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L1 số tiền còn nợ lại là 9.610.000.000 đồng.

- *Bị đơn, bà Mai Hồng T2 trình bày:* Trước năm 2015 bà cùng chồng bà là ông Trương Văn T3 có vay tiền của bà L1 nhiều lần, tổng cộng là 140.000.000 đồng, cuối năm 2015 vay thêm 150.000.000 đồng có làm hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y đứng tên, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Trong số tiền vay này có phần vay của bà T1 (là mẹ chồng bà) vay 50.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà tiếp tục vay thêm 350.000.000 đồng cũng với lãi suất trên. Đến năm 2016 bà L1 giảm lãi suất còn

2.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay đến nay, mỗi tháng thanh toán một lần, cộng tiền vốn vào tiền lãi và ghi giấy biên lai (phiếu cầm đồ) mới, bà L1 thu lại biên lai cũ. Đến tháng 6/2020 bà L1 và vợ chồng bà đã làm lại hợp đồng cuối cùng là 9.910.000.000 đồng. Các lần vay tiền của bà L1, bà và ông T3 đều thống nhất. Hiện nay, bà chỉ thừa nhận có vay của bà L1 tổng số tiền là 640.000.000 đồng. Vào ngày 25/5/2020 bà T1 trả cho bà L1 được 300.000.000 đồng, vợ chồng bà còn nợ lại 340.000.000 đồng. Bà đồng ý trả 340.000.000 đồng và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu bà L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y đứng tên.

- Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Năm 2015 bà có cho con và con dâu của bà là ông T3 và bà T2 mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y (là chồng bà T1) để thế chấp cho bà L1 vay 100.000.000 đồng nhằm trả nợ cho con bà là Trương Văn D. Khi vay tiền bà có ký tên vào biên nhận do bà L1 giữ. Năm 2020 bà L1 cho bà biết số tiền bà T2 vay lên đến hơn một tỷ đồng. Do sợ bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đã trả cho bà L1 300.000.000 đồng vào ngày 25/5/2020. Còn biên nhận nợ ngày 16/6/2020 dl giữa vợ chồng ông T3 và bà T2 với bà L1 lập bà không có ký tên. Nay bà yêu cầu bà L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y đứng tên cho bà. Còn số tiền 300.000.000 đồng bà đã trả cho bà L1 bà không có yêu cầu bà L1 hay vợ chồng bà T2 ông T3 trả lại cho bà.

- Anh Trương Văn D trình bày: Năm 2015 vợ chồng ông T3, bà T2 hỏi mượn của anh 100.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông T3, bà T2 mượn của mẹ anh là bà Nguyễn Thị T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà Nguyễn Thúy L1 để vay 100.000.000 đồng để trả lại cho anh xong. Nay anh yêu cầu bà L1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1.

Anh Trương Văn T5, anh Trương Văn Dũng, anh Trương Văn Cần thống nhất với trình bày và yêu cầu của anh Trương Văn D. Chị Trương Thị Y, anh Trương Văn L2 không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy L1. Buộc ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thúy L1 số tiền là 9.610.000.000 đồng (Chín tỷ sáu trăm mười triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, bà Mai Hồng T2, ông Trương Văn T3, anh Trương Văn D, anh Trương Văn Dũng, chị anh Trương Văn Cần, anh Trương Văn T5. Buộc bà Nguyễn Thúy L1 có nghĩa vụ trả lại bản gốc số Đ 854294 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 12/7/2002 cho ông Trương Quang Y, sinh năm 1946 tại các thửa 154, 155, 156 tờ bản đồ số 01 tọa lạc Khóm VI, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn T3, anh Trương Văn D, anh Trương Văn Dũng, anh Trương Văn Cần, anh Trương Văn T5, anh Trương Văn L2 và chị Trương Thị Y.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/10/2022 bị đơn là ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2 kháng cáo không đồng ý trả cho bà L1 số tiền 9.610.000.000 đồng. Đồng ý trả cho bà L1 số tiền vốn và lãi là 403.000.000 đồng. Yêu cầu bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T3, bà T2 và bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T2 và ông T3 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bà T1 và ông T5 có mặt và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T2, ông T3 thừa nhận đã vay tiền của bà L1 nhiều lần từ năm 2015 đến ngày 16/6/2020 bà T2 và ông T3 đã kết nợ và thống nhất kí vào Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Quang Y đứng tên để vay của bà L1 số tiền 9.910.000.000 đồng. Bà T2 thừa nhận biên nhận này do bà và ông T3 kí tên, đồng thời ông T3 đã kí tên bà T1 thay cho bà T1 được bà L1 thừa nhận. Bà T1 cũng thừa nhận không có kí tên vào hợp đồng vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T2 thừa nhận việc bà cùng ông T3 ký tên vào biên nhận cho bà L1 là tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy được xác định vào ngày 16/6/2020, bà T2 và ông T3 nợ bà L1 số tiền 9.910.000.000 đồng. Đã qua bà L1 thừa nhận bà T1 đã trả cho bà L1 300.000.000 đồng, nên số tiền bà T2 và ông T3 còn nợ là 9.610.000.000 đồng. Bà T2 cho rằng ông T3 có bệnh lý tâm thần nhưng theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 53/2022/KLGĐ ngày 28/3/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực Tây Nam Bộ xác định thời điểm ký hợp đồng này ông T3 không có bệnh lý tâm thần. Do đó, bà T2 kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà L1 số tiền 403.000.000 đồng là không có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T2 và ông T3 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2 và ông T3.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T2 và ông T3 yêu cầu bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 và ông T3, bà T2. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T2, ông T3 thừa nhận đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Y đứng tên cho bà L1 để vay tiền, được bà L1 thừa nhận. Bà T1 thừa nhận đã cho bà T2 và ông T3 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y thế chấp cho bà L1 để vay tiền. Việc thế chấp không được thực hiện theo quy định của pháp

luật. Vì vậy, buộc bà T2 và ông T3 trả nợ cho bà L1 thì phải buộc bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1, bà T2 và ông T3 là phù hợp. Bản án sơ thẩm buộc bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 cùng các con của bà T1 và ông Y là anh Trương Văn D, anh Trương Văn Dũng, chị Trương Thị Y, anh Trương Văn L2, anh Trương Văn Cần, anh Trương Văn T5, trong khi đó những người con của bà T1 không ai có yêu cầu độc lập và không nộp tiền án phí. Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2 và ông T3. Buộc bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 và bà T2, ông T3 là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp về việc buộc bà L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các con của bà T1 và ông Y nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bà T2 và ông T3 nên bà T2 và ông T3 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy L1. Buộc ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thúy L1 số tiền là 9.610.000.000 đồng (Chín tỷ sáu trăm mười triệu đồng)

2. Buộc bà Nguyễn Thúy L1 có nghĩa vụ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 854294 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 12/7/2002 cho ông Trương Quang Y tọa lạc Khóm VI, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn T3 và bà Mai Thị Tho.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thúy L1 được miễn theo quy định. Ông Trương Văn T3 và bà Mai Hồng T2 phải nộp là 117.610.000 đồng (Một trăm

F
û
î
h
l
h
ñ
n
E
E
á
o
n
E
E
E
a
ñ
i
n
h
l
r
u
n
e

T
E
N
E
E
N
I
N
-
E

Ç
E
Ü
E
Ű
N
E

E
E
I

E
Ü
I
A

N
g
E
N
Ű
n
h
I
N
ã
n
h

I
â
P

E

^

**T
h
a
n
h**

**F
,
n
g**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi Cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

